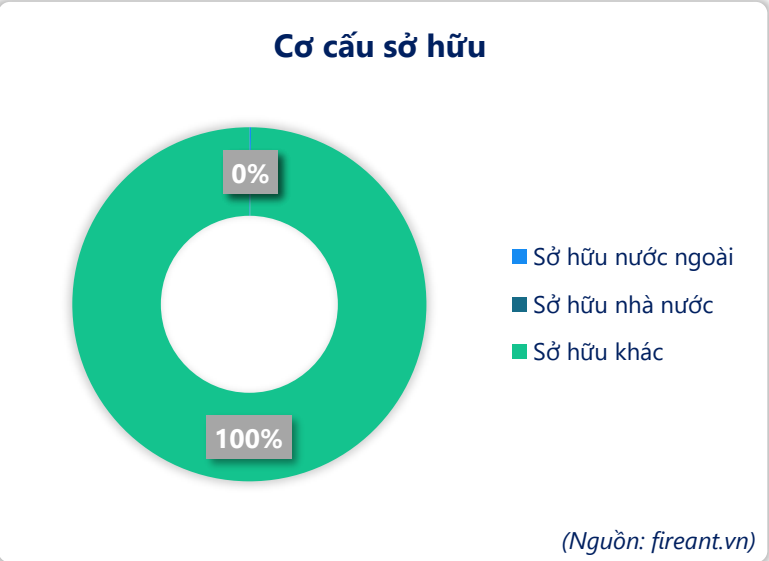
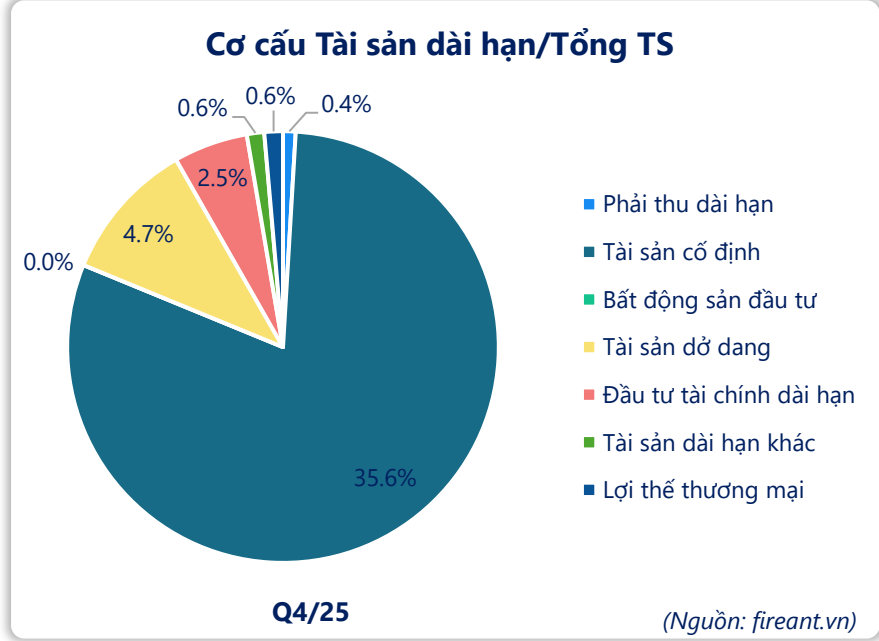
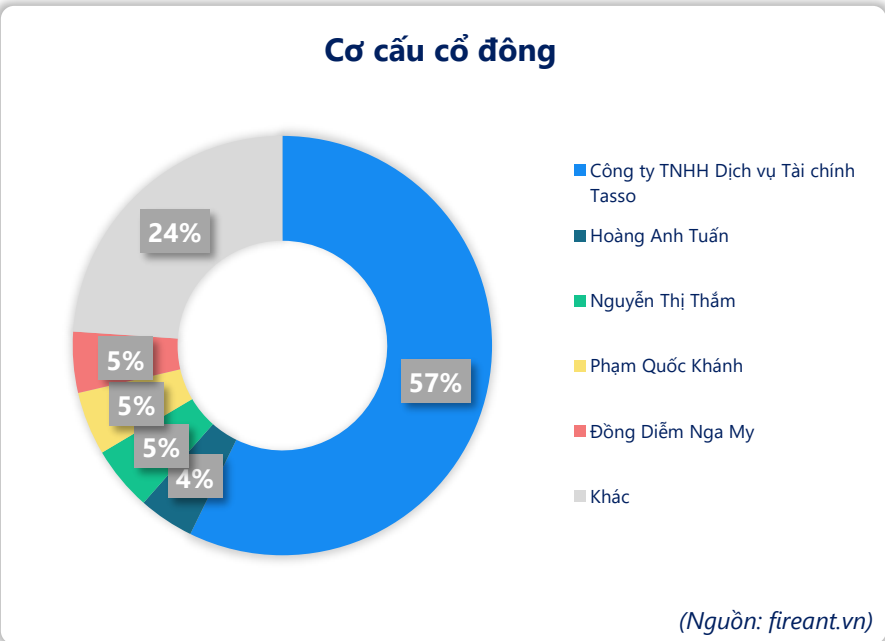
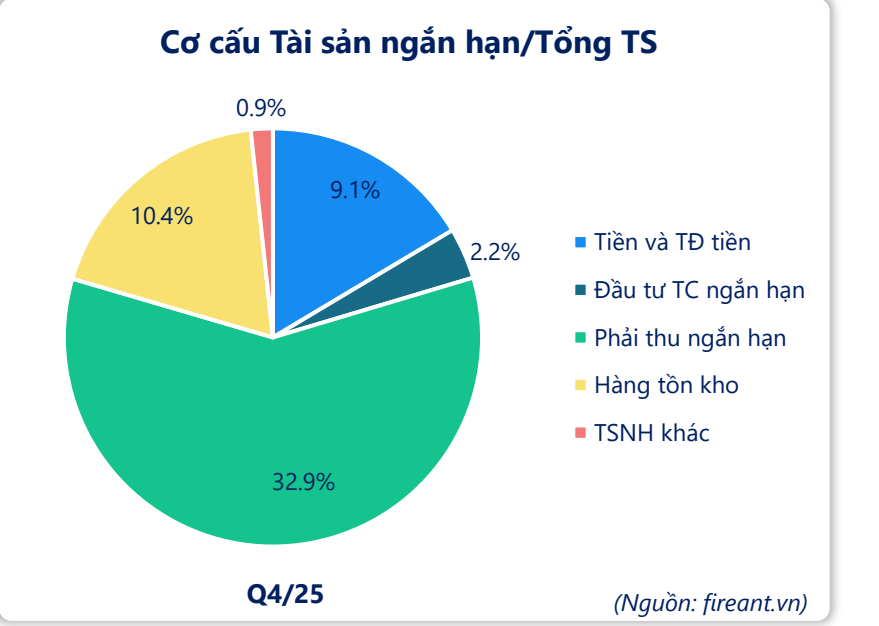
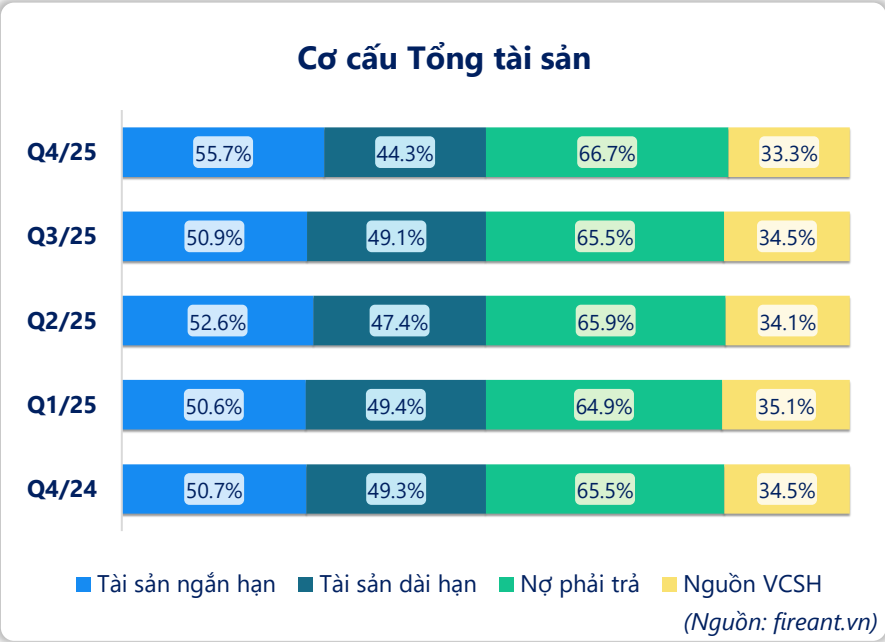


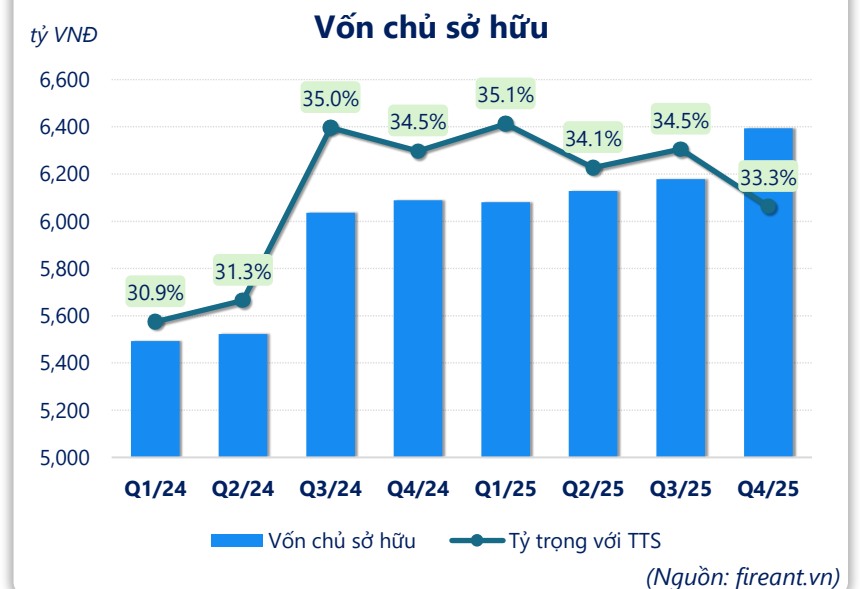
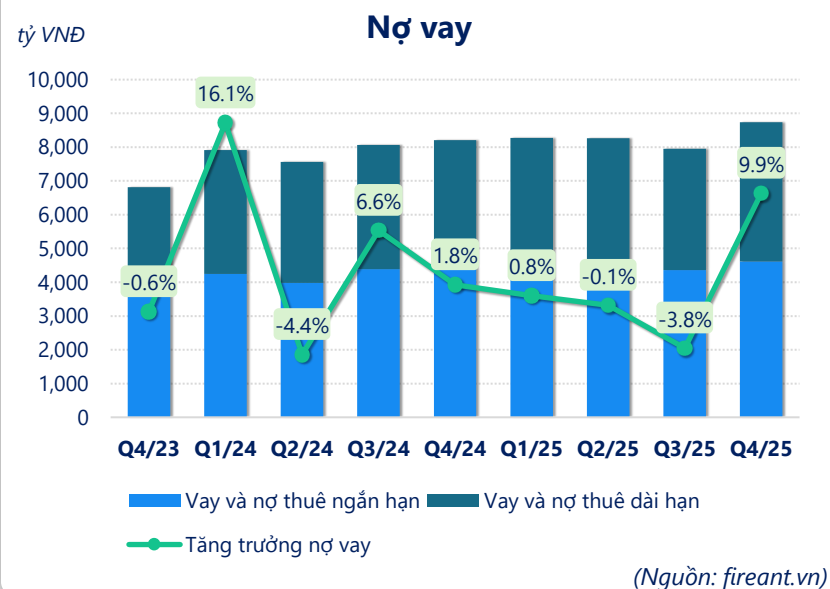
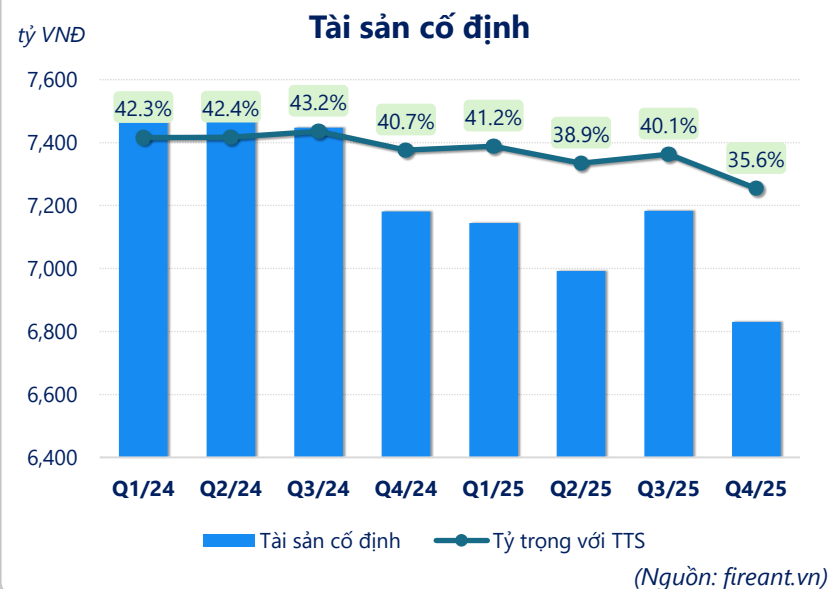
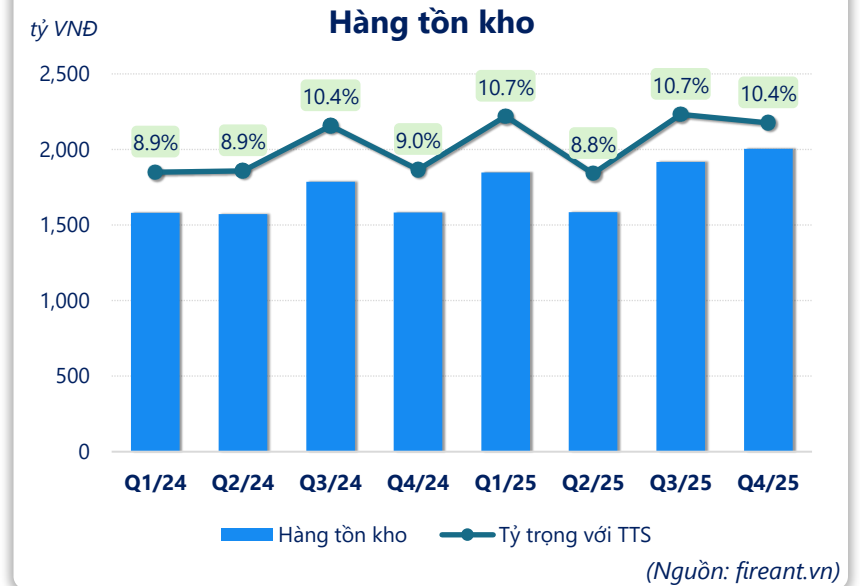
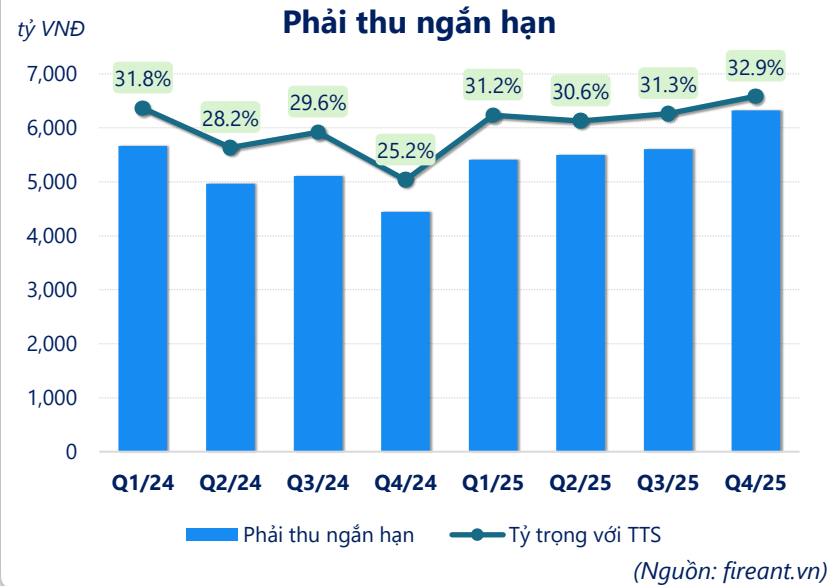
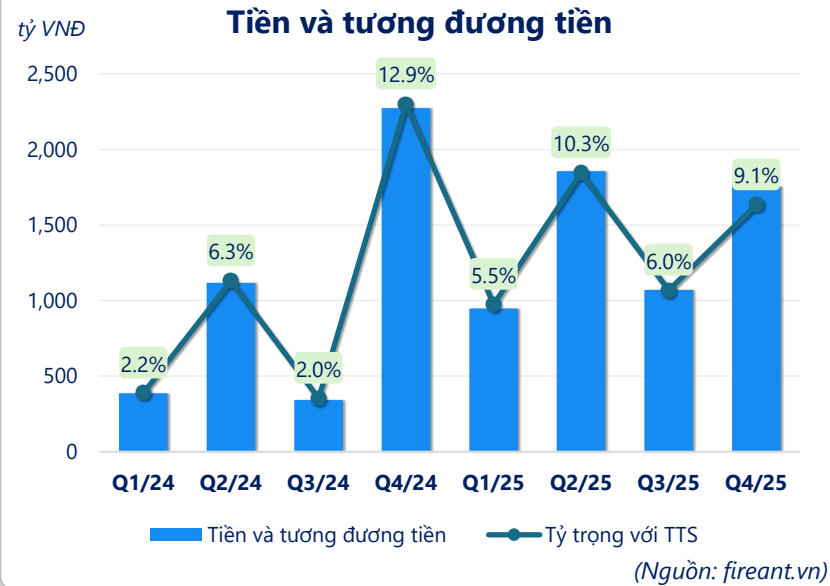
Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		21,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,100
SL cổ phiếu LH		140,966,036
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,377,979
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,045
P/E		20.6
EPS		1,049

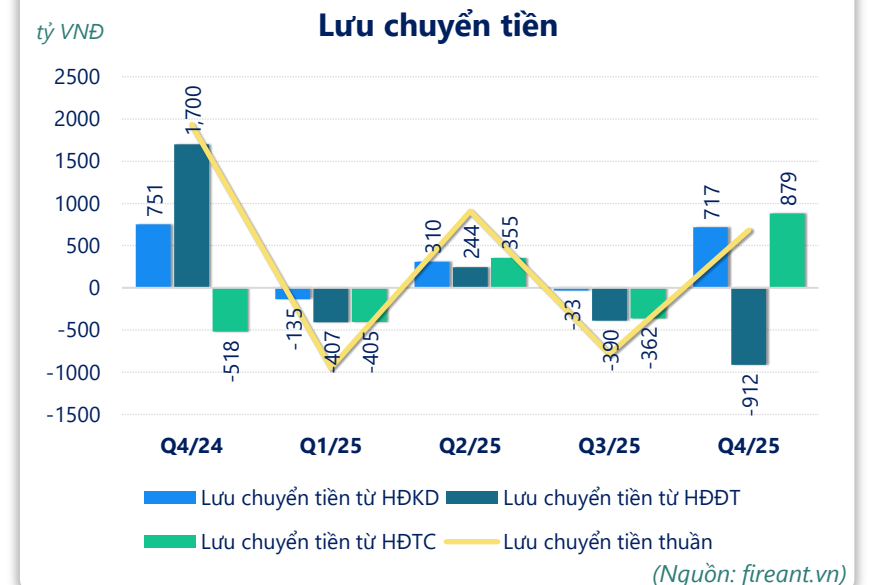
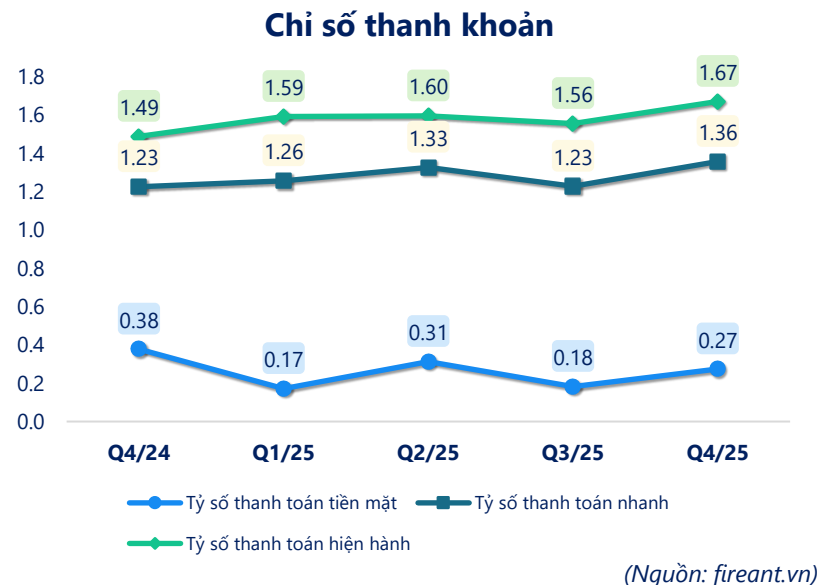
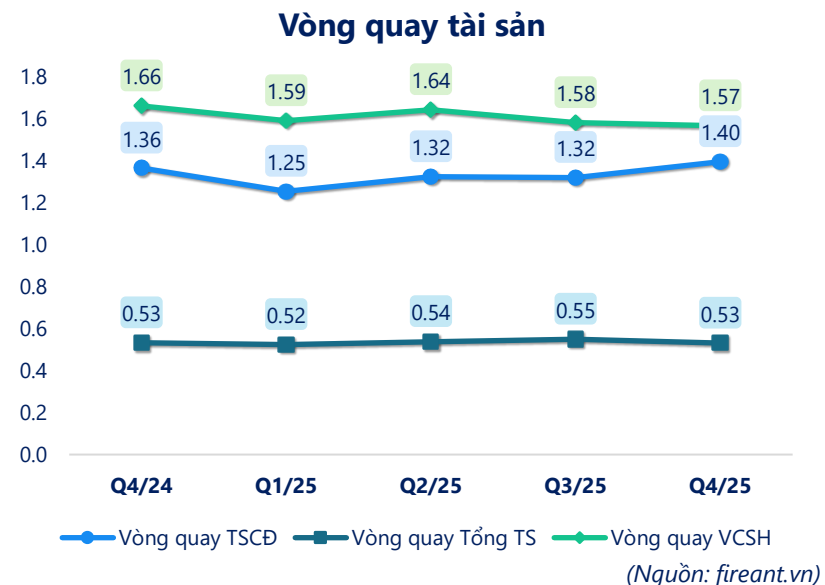
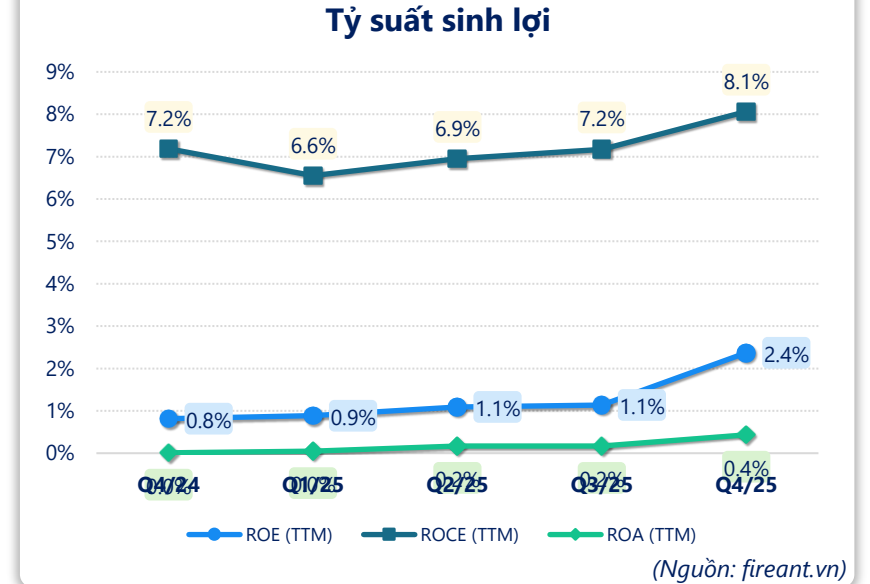
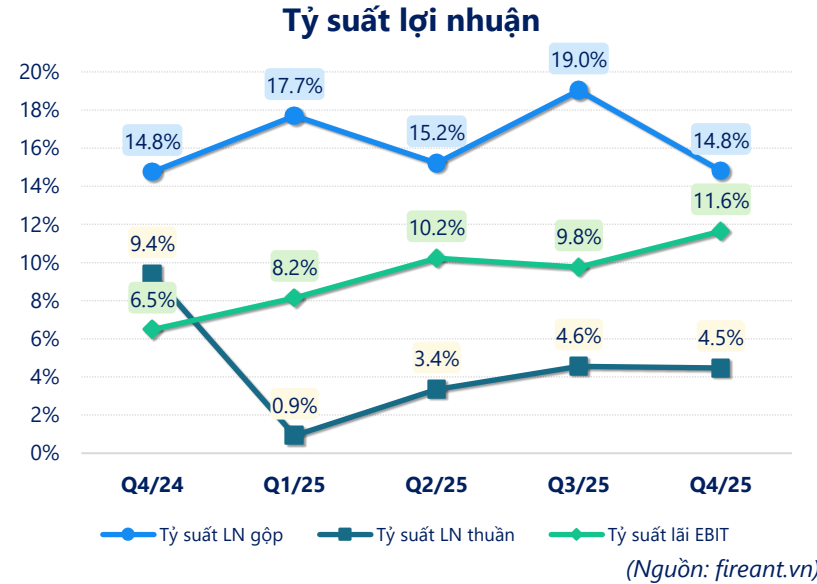
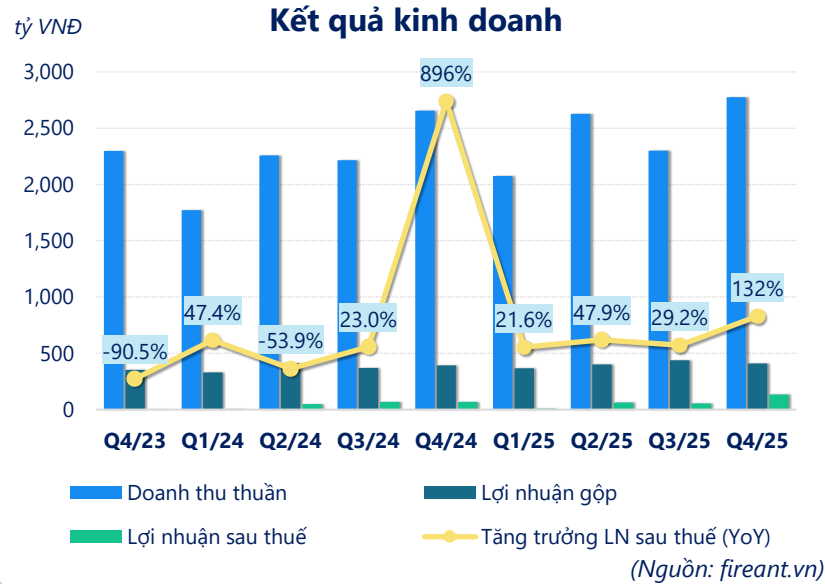
	YTD	1T	3T	6T
DNP	4.9%	13.1%	13.7%	10.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%



CTCP DNP Holding (HNX: DNP)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	19,195	17,673	8.6%
Tài sản ngắn hạn	10,685	8,859	20.6%
Tiền và tương đương tiền	1,755	1,893	-7.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	422	397	6.3%
Phải thu ngắn hạn	6,321	4,826	31.0%
Hàng tồn kho	2,005	1,583	26.7%
Tài sản ngắn hạn khác	181	160	13.3%
Tài sản dài hạn	8,510	8,814	-3.5%
Phải thu dài hạn	80.5	83.7	-3.9%
Tài sản cố định	6,831	7,281	-6.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	897	673	33.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	473	473	0.1%
Tài sản dài hạn khác	111	133	-16.8%
Lợi thế thương mại	118	172	-31.1%
Nợ phải trả	12,801	11,598	10.4%
Nợ ngắn hạn	6,394	5,842	9.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,615	4,485	2.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	910	775	17.3%
Nợ dài hạn	6,407	5,756	11.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	4,121	3,809	8.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,394	6,075	5.2%
Vốn chủ sở hữu	6,394	6,075	5.2%
Vốn điều lệ	1,410	1,410	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	2,655	2,075	2,627	2,300	2,774
Giá vốn hàng bán	2,263	1,708	2,227	1,862	2,363
Lợi nhuận gộp	392	367	400	438	411
Doanh thu HĐTC	249	79.6	110	92.2	130
Chi phí TC	136	198	183	173	146
Chi phí lãi vay	112	152	177	145	141
LN trong công ty LKLD	23.5	0.47	1.27	1.14	2.41
Chi phí bán hàng	147	122	115	143	153
Chi phí QLDN	132	108	124	110	120
LN thuần từ HĐKD	249	19.2	88.0	105	124
Lợi nhuận khác	-189	-2.00	3.97	-25.6	58.1
LN trước thuế	60.3	17.2	92.0	79.1	182
Lợi nhuận sau thuế	69.4	9.08	62.4	53.2	135
LNST của CĐ cty mẹ	1.60	8.10	30.2	29.6	80.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	751	-135	310	-32.6	717
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1,700	-407	244	-390	-912
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-518	-405	355	-362	879
Tiền đầu kỳ	341	1,893	946	1,855	1,071
Lưu chuyển tiền thuần	1,933	-946	908	-784	684
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.36	-0.19	0.48	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	2,274	946	1,855	1,071	1,755

(Nguồn: fireant.vn)